TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-ST
Ngày: 09-6-2025
V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Trần Văn Đô;**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Lê Văn Dài**;
  2. Ông **Trần Quang Vinh**;

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Bùi Công Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2025/QĐXXST- DS, ngày 08/05/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-DS, ngày 23/05/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thanh P, sinh ngày 01/01/1977.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh V, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 19/12/2024)

Bị đơn: Trương Thành T, sinh ngày 16/04/1980.

Địa chỉ: số nhà C, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị V có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 27/11/2023, anh Trần Thanh P có cho anh Trương Thành T vay số tiền 30.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng, mục đích vay là để sữa nhà, có xác lập hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, anh T có đóng lãi đầy đủ đến ngày 27/06/2024, từ ngày 28/06/2024 cho đến nay không

thực hiện trả lãi theo thỏa thuận. Do anh T vi phạm nghĩa vụ nên phát sinh tranh chấp.

Anh Trần Thanh P yêu cầu giải quyết: Buộc anh T trả lại số tiền vay là 30.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 28/06/2024 cho đến ngày 28/05/2025 tương ứng 11 tháng.

Bị đơn là anh Trương Thành T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:

1. Biên nhận ký tên Trương Thành T đề ngày 27/11/2023;
2. Hợp đồng vay tiền số 27112023, ngày 27/11/2023;

Tài liệu do bị đơn cung cấp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P yêu cầu anh Trương Thành T có trách nhiệm trả số tiền vay và lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Về nội dung:

[4] Xét đơn khởi kiện của anh P yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 30.000.000 đồng. Anh P chứng minh bằng "Hợp đồng vay tiền" số 27112023 và "Biên nhận" cùng đề ngày 21/8/2023 có chữ ký của anh Trương Thành T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng và biên nhận mà nguyên đơn cung cấp có nội dung anh T có vay của anh P số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích

vay là để sửa chữa nhà ở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản bác nội dung số tiền vay nêu trên. Như vậy, anh T vay tiền của anh P là có thật. Anh T không thực hiện trả tiền là vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, yêu cầu của anh P là có cơ sở.

[5] Về tiền lãi: Trong biên nhận số 27112023, đề ngày 27/11/2023 do nguyên đơn cung cấp có thể hiện lãi suất tiền vay là 1,66% tháng. Từ khi vay tiền, đại diện nguyên đơn trình bày anh T có trả lãi đến ngày 27/06/2024 và từ đó đến nay không thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy, lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay không vi phạm quy định pháp luật, anh T không có gì chứng minh cho việc thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự, anh P yêu cầu trả lãi là phù hợp.

Lãi suất được tính như sau: Từ ngày 28/6/2024 đến ngày 28/5/2025 tương ứng 11 tháng: 30.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 11 tháng = 5.478.000 đồng.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, bị đơn cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Mặc khác, anh T cũng không có gì chứng minh cho việc trả nợ như thỏa thuận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của anh P là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc anh T có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền vốn và lãi còn thiếu tổng cộng là 30.000.000 đồng + 5.478.000 đồng = 35.478.000 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh T phải nộp 1.773.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Thanh P được nhận lại 787.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007098, ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh P;

Buộc anh Trương Thành T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh P số tiền 35.478.000 (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn) đồng (Trong đó: Nợ gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 5.478.00 (Năm triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn) đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Trương Thành T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.773.900 (Một triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm) đồng.

Anh Trần Thanh P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 787.000 (Bảy trăm tám mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007098, ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Thanh Bình;
- CC THADS H. Thanh Bình;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đô